

Số: 627/QĐ-ĐHKHCN

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng

Chính phủ về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các sinh viên nhập học từ năm học 2017 (Trừ Điều 33 áp dụng cho tất cả sinh viên).

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác sinh viên, Trường phòng Kế toán Tài chính, Trường khoa các Khoa chuyên môn, Trường các đơn vị liên quan, cán bộ, giảng viên và các học viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để p/h);
- Phó Hiệu trưởng (để p/h);
- Lưu VT, DAA, LTH



HIỆU TRƯỞNG CHÍNH SV

Etienne Saur

OK
H

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY
PHYSICS

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICS

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
UNIVERSITE DES SCIENCES ET DES TECHNOLOGIES DE HANOI
UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY OF HANOI

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo quyết định số 627/QĐ -ĐHKHCN
ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng

Số tài liệu: USTH-AP 4.0

Ngày hiệu lực: 10/9/2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Hình thức và ngôn ngữ dạy - học	4
Điều 3. Học phần, tín chỉ, đề cương học phần	4
CHƯƠNG II - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
Điều 4. Cấu trúc chương trình đào tạo hệ Đại học	7
Điều 5. Chuẩn đầu ra	7
Điều 6. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo	8
CHƯƠNG III - TUYỂN SINH	10
Điều 7. Chỉ tiêu và hình thức tuyển sinh	10
Điều 8. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh	10
Điều 9. Lựa chọn ngành học	10
Điều 10. Nhập học	11
Điều 11. Điều kiện tổ chức ngành học	11
CHƯƠNG IV - TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	12
Điều 12. Học kỳ, năm đào tạo và thời gian giảng dạy	12
Điều 13. Kế hoạch đào tạo	12
Điều 14. Tổ chức lớp khóa học và lớp học phần	12
Điều 15. Đăng ký học phần	13
Điều 16. Rút bớt, thay thế học phần đã đăng ký	13
Điều 17. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên	14
CHƯƠNG V - QUYỀN LỢI/TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN, CỐ VẤN HỌC TẬP VÀ GIẢNG VIÊN	15
Điều 18. Nghĩa vụ của sinh viên	15
Điều 19. Quyền lợi của sinh viên	15
Điều 20. Cố vấn học tập	16
Điều 21. Giảng viên	16
CHƯƠNG VI - THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	17
Điều 22. Đánh giá kết quả học phần	17
Điều 23. Cách tính điểm quá trình, điểm học phần, điểm trung bình chung	18
Điều 24. Tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần	19
Điều 25. Chấm khóa luận tốt nghiệp	20

Điều 26. Đánh giá kết quả học tập	21
CHƯƠNG VII - XỬ LÝ HỌC VỤ VÀ KỶ LUẬT	22
Điều 27. Hình thức kỷ luật đối với sinh viên	22
Điều 28. Hội đồng kỷ luật	22
Điều 29. Vi phạm quy định về học tập và khung xử lý kỷ luật	23
Điều 30. Vi phạm quy chế thi, kiểm tra và khung xử lý kỷ luật	23
Điều 31. Khung xử lý kỷ luật đối với cán bộ trong các công tác đào tạo	24
Điều 32. Xét lên lớp và Chuyển lớp	24
Điều 33. Học lại và Thi lại	25
Điều 34. Thôi học và buộc thôi học	26
Điều 35. Bảo lưu và nghỉ học tạm thời	26
Điều 36. Thủ tục chuyển trường	27
CHƯƠNG VIII - ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	28
Điều 37. Hội đồng xét tốt nghiệp	28
Điều 38. Điều kiện tốt nghiệp	28
Điều 39. Phân loại tốt nghiệp và Bằng tốt nghiệp	28
CHƯƠNG IX - KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	30
Điều 40. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng	30
Điều 41. Đánh giá hoạt động dạy và học	31
CHƯƠNG X - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 42. Hiệu lực thi hành	32
Điều 43. Sửa đổi quy chế	32

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định công tác đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Trường) bao gồm: Chương trình đào tạo; Tuyển sinh; Tổ chức và quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học; Quyền/Trách nhiệm và nghĩa vụ của sinh viên, giảng viên; Kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập; Xử lý học vụ và kỷ luật; Điều kiện công nhận tốt nghiệp; Kiểm định chất lượng và công khai điều kiện đảm bảo chất lượng.
2. Quy chế này áp dụng đối với các cá nhân và tập thể tham gia quá trình đào tạo trình độ đại học tại trường.
3. Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan được Hiệu trưởng giao tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện công tác đào tạo Đại học, bao gồm xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, thi và trông thi, xét học tiếp, bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp của trình độ đại học, đảm bảo các hoạt động tuân thủ theo quy chế này.

Điều 2. Hình thức và ngôn ngữ dạy - học

1. Tại Trường, hình thức dạy - học chính là hình thức dạy học trực tiếp có sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên.
2. Tùy theo từng học phần, có ba hình thức dạy - học:
 - a) Học trên lớp: sinh viên học tập trực tiếp với giảng viên trên lớp thông qua bài giảng lý thuyết, hướng dẫn làm bài tập hoặc qua các lớp học video trực tuyến;
 - b) Thực hành: sinh viên học tập thông qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, thảo luận dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên;
 - c) Tự học bắt buộc: sinh viên tự học tập và nghiên cứu tài liệu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm, ... theo kế hoạch, nhiệm vụ và nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra, đánh giá làm thành phần của điểm môn học.
3. Ngoại trừ các môn điều kiện (Điều 3 Khoản 1 Điểm d) và ngoại ngữ, ngôn ngữ giảng dạy - học tập được sử dụng là tiếng Anh.

Điều 3. Học phần, tín chỉ, đề cương học phần

1. Học phần là một phần kiến thức trọn vẹn của một bộ môn khoa học, được thiết kế thuận tiện để người học tích lũy dần toàn bộ kiến thức của một chương trình đào tạo trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ, được giảng dạy trọn vẹn trong 1 học kỳ và được bố trí giảng dạy bởi một hay nhiều giảng viên. Có

- bốn loại học phần: học phần bắt buộc, học phần tự chọn, học phần tiên quyết và học phần điều kiện.
- a) Học phần bắt buộc là học phần có những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo. Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành học phần này;
 - b) Học phần tự chọn là học phần có những nội dung kiến thức cần thiết, thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo. Sinh viên lựa chọn trong số các học phần tự chọn theo hướng dẫn để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo;
 - c) Học phần tiên quyết của một học phần là học phần mà điều kiện là sinh viên phải học trước khi học học phần tiếp theo;
 - d) Học phần điều kiện là các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.
2. Tín chỉ là đơn vị để tính khối lượng học tập của sinh viên dựa trên số giờ học. Trường sử dụng hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ chung châu Âu được viết tắt là ECTS. Một tín chỉ tương đương với 25-30 giờ học tập trên lớp và tự học. Chương trình đào tạo đại học tại trường được thiết kế theo mô hình châu Âu (tiến trình Bologna), bao gồm 180 tín chỉ trong 3 năm, hay 30 tín chỉ cho mỗi học kỳ.
3. Mỗi học phần đều phải có đề cương chi tiết cung cấp cho người học. Đề cương học phần phải đảm bảo các nội dung chủ yếu sau:
- a) Thông tin về đơn vị đào tạo (khoa, bộ môn...);
 - b) Thông tin về giảng viên;
 - c) Thông tin về học phần (tên học phần, bắt buộc hay tự chọn hay điều kiện, số lượng tín chỉ, các học phần tiên quyết...);
 - d) Thông tin về phương thức tổ chức dạy và học;
 - e) Mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy của học phần;
 - f) Học liệu (giáo trình, tài liệu tham khảo);
 - g) Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần;
4. Hàng năm, nội dung học phần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật những nội dung cơ bản của học phần phải được Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa chuyên môn thông qua.
5. Ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra, đề thi kết thúc học phần: Mỗi học phần có ngân hàng câu hỏi kiểm tra, thi kết thúc học phần (từ 200 đến 500 câu hỏi tự luận và trắc nghiệm do Khoa

phụ trách học phần tổ chức biên soạn, thẩm định, kiểm tra thử). Đề kiểm tra giữa kỳ và đề thi kết thúc học phần do giảng viên xây dựng từ ngân hàng câu hỏi đã có. Khi đề cương học phần có điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, ngân hàng câu hỏi cũng được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

CHƯƠNG II - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Cấu trúc chương trình đào tạo hệ Đại học

- Chương trình đào tạo hệ Đại học được hoàn thành trong thời gian 3 năm hoặc 4 năm: Chương trình 4 năm (B0, B1, B2, B3) và Chương trình 3 năm (B1, B2, B3).

Năm học	Số tín chỉ (ECTS)	Chương trình 4 năm	Chương trình 3 năm
B0		Năm bồi dưỡng Tiếng Anh	
B1	60	Năm đào tạo cơ bản	
B2	60	Năm đào tạo cơ sở ngành	
B3	60	Năm đào tạo chuyên sâu	

Trong đó, đối với chương trình 4 năm, sinh viên sẽ có 1 năm theo học năm bồi dưỡng tiếng Anh (B0) trước khi theo học chương trình 3 năm (B1, B2, B3). Việc phân loại sinh viên theo học chương trình 4 năm hay 3 năm do Hội đồng Tuyển sinh quyết định dựa trên đánh giá về năng lực Tiếng Anh của sinh viên.

- Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: sinh viên có từ 03 đến 06 tháng để đi thực tập vào kỳ cuối của B3. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trước khi sinh viên tốt nghiệp và được tính bằng 9-15 tín chỉ.

Điều 5. Chuẩn đầu ra

- Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ (ý thức và phẩm chất) của người học, công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng ngành học.
- Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo và của trường được công bố trên website của Trường và các tài liệu liên quan đến hoạt động của trường.
- Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ: Trình độ ngoại ngữ của sinh viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, thể hiện qua kết quả thi nội bộ và các chứng chỉ ngoại ngữ được xét tương đương. Sinh viên cần đảm bảo đạt trình độ tương đương B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu.
- Chương trình đào tạo tại trường đảm bảo năng lực chung của sinh viên khi tốt nghiệp:
 - Là một công dân có trách nhiệm. Có hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp. Sẵn sàng phát triển thành một công dân toàn cầu;

- b) Có năng lực áp dụng kiến thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn;
 - c) Có năng lực thiết kế và thực hiện các thí nghiệm, cũng như phân tích và giải thích dữ liệu;
 - d) Có năng lực thiết kế cả hệ thống cũng như từng phần và quy trình để đáp ứng yêu cầu đầu ra;
 - e) Có năng lực làm việc trong các nhóm đa ngành;
 - f) Có năng lực nhận dạng, hệ thống hóa và giải quyết các vấn đề kỹ thuật;
 - g) Có năng lực giao tiếp tốt trong môi trường làm việc cũng như môi trường xã hội;
 - h) Có hiểu biết về tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh toàn cầu và địa phương;
 - i) Có năng lực tiếp thu và học hỏi không ngừng;
 - j) Có kiến thức về các vấn đề xã hội đương đại;
 - k) Có năng lực ứng dụng các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ kỹ thuật tiên tiến vào thực tiễn.
5. Riêng chương trình đào tạo ngành Bảo trì và Kỹ thuật Hàng không ngoài việc đảm bảo năng lực chung như quy định tại Khoản 4 Điều 5, còn đảm bảo sinh viên đạt từ 75% tổng điểm QCM và tham dự trên 90% thời lượng của khóa học để có đủ năng lực dự kỳ thi B1/B2 do Cục hàng không Việt nam (gọi tắt là CAAV) tổ chức.

Điều 6. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo

1. Nguyên tắc xây dựng ngành đào tạo:
 - a) Một ngành đào tạo mới sẽ được mở nếu có nhu cầu xã hội cao, được minh chứng qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp;
 - b) Ngành đào tạo mới phải phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, kế hoạch và chiến lược phát triển của trường;
 - c) Ngành đào tạo mới phải phù hợp với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có của trường, thu hút và khai thác được nguồn lực bên ngoài kể cả kinh phí xã hội hóa.
2. Các bước xây dựng, ban hành chương trình đào tạo:

Bước 1: Hiệu trưởng trường thành lập nhóm xây dựng chương trình đào tạo bao gồm các nhà khoa học ngành đào tạo, các bên liên quan đến đào tạo và sử dụng nhân lực sau đào tạo.

Bước 2: Trưởng nhóm tổ chức thảo luận giữa các bên liên quan về chương trình chi tiết, xây dựng chuẩn đầu ra, ma trận môn học và các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình.

Bước 3: Trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo (SEC) của trường, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình.

Bước 4: Trình Hội đồng trường xin ý kiến đóng góp và phê duyệt.

Bước 5: Hiệu trưởng trường quyết định ban hành chương trình đào tạo của ngành mới và giao nhiệm vụ đào tạo cho Trưởng Khoa chuyên môn thực hiện.

3. Trưởng Khoa chuyên môn là người chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về quản lý và tổ chức đào tạo theo chương trình đã mở.
4. Dựa trên chương trình học đã được phê duyệt, Trưởng Khoa chuyên môn chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để triển khai chương trình, bao gồm: đội ngũ giảng viên, tài liệu khóa học, trang thiết bị, kiểm tra đánh giá, nguồn kinh phí và các phương thức liên kết với các đơn vị đào tạo và sử dụng người học sau tốt nghiệp.
5. Trưởng Khoa chuyên môn xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành mới để Hiệu trưởng phê duyệt. Sau khóa học đầu tiên, Trưởng khoa tổ chức đánh giá và đề xuất phương hướng phát triển chương trình đào tạo và ngành đào tạo.

CHƯƠNG III - TUYỂN SINH

Điều 7. Chỉ tiêu và hình thức tuyển sinh

1. Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau khi tốt nghiệp, trường lập báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu và trình Hội đồng Trường quyết định.
2. Trường tuyển sinh theo hình thức xét hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

1. Đối tượng:
 - a) Thí sinh Việt Nam có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại quy chế tuyển sinh hiện hành;
 - b) Thí sinh Việt Nam hoàn thành chương trình THPT quốc tế ở Việt Nam;
 - c) Thí sinh nước ngoài hoặc thí sinh Việt Nam hoàn thành chương trình THPT ở nước ngoài.
2. Điều kiện:

Các thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh của trường khi đăng ký dự tuyển cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về điều kiện tuyển sinh được quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường.
3. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có nhu cầu học văn bằng 2 sẽ được tuyển thẳng. Hồ sơ yêu cầu chỉ là đơn trình bày nguyện vọng và bảng điểm ứng với văn bằng đã tốt nghiệp. Sinh viên được quyền chuyển điểm kết quả học tập những học phần chung của chương trình đào tạo ngành mới và ngành đã học. Học phí cho việc học văn bằng 2 sẽ được tính trên số lượng tín chỉ đăng ký học của ngành học mới.

Điều 9. Lựa chọn ngành học

1. Trong hồ sơ đăng ký tuyển sinh, thí sinh phải đăng ký nguyện vọng ngành học theo các thứ tự ưu tiên. Việc công nhận ngành học trúng tuyển sẽ được Hội đồng tuyển sinh quyết định dựa trên đánh giá năng lực của thí sinh và theo thứ tự nguyện vọng đăng ký.
2. Một số trường hợp đặc biệt, sinh viên sau khi nhập học có thể xin đổi ngành học (được sự đồng ý của Trường Khoa chuyên môn liên quan) vào học kỳ II của năm B1. Căn cứ theo nguyện vọng và kết quả học tập của sinh viên, đặc điểm của ngành đào tạo, có sự đồng ý của Trường Khoa chuyên môn (dựa trên đánh giá sự phù hợp năng lực học tập của ngành học), Phòng Quản lý đào tạo sẽ đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định.

3. Sau năm B1, sinh viên được chuyển ngành (sau khi làm đơn, có sự đồng ý của Trường Khoa chuyên môn và phê duyệt của Hiệu trưởng) buộc phải học các học phần còn thiếu để theo kịp chương trình chuyển đổi và đóng học phí theo quy định hiện hành. Sinh viên được quyền chuyển kết quả học tập của năm B1 và những học phần chung của năm chuyên ngành để xét tốt nghiệp.

Điều 10. Nhập học

1. Khi nhập học, thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và tuân theo các quy định ghi trong thư mời nhập học. Mọi thủ tục đăng ký và khai báo thông tin cá nhân phải được hoàn thành chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhập học;
2. Phòng Công tác sinh viên tổ chức nhập học, tiếp đón sinh viên và cung cấp đầy đủ các thông tin: mã số sinh viên, kế hoạch học tập, quy chế đào tạo trình độ đại học, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên.

Điều 11. Điều kiện tổ chức ngành học

Sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập học trong năm đầu tiên, nếu ngành học nào không đạt đủ số sinh viên để có thể tổ chức dạy và học hiệu quả (dự kiến 10 sinh viên), Hiệu trưởng xem xét và quyết định tổ chức đào tạo ngành học cho niên khoá đó. Trường hợp không tổ chức đào tạo, sinh viên đã nhập học sẽ được tư vấn để chuyển sang ngành học đã đăng ký ở nguyện vọng tiếp sau. Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

CHƯƠNG IV - TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 12. Học kỳ, năm đào tạo và thời gian giảng dạy

1. Một năm học có 02 học kỳ. Mỗi học kỳ có từ 16 đến 18 tuần thực học (kể cả các tuần dự phòng) và 02 tuần thi cuối kỳ.
2. Năm học chính thức được tính từ ngày dạy học đầu tiên cho tới ngày thi kết thúc học phần cuối cùng. Năm học thường bắt đầu vào tháng Chín và kết thúc vào giữa tháng Bảy của năm tiếp theo. Ngoài ra, một học phần điều kiện về nghĩa vụ an ninh – quốc phòng được tổ chức vào cuối năm B0 hoặc B1.
3. Thời gian dạy – học từ 8 giờ đến 18 giờ hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Bảy.

Điều 13. Kế hoạch đào tạo

1. Hàng năm, Phòng Quản lý đào tạo làm việc với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo và báo cáo Hiệu trưởng. Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành và giao các đơn vị có liên quan thực hiện.
2. Đầu khóa học, sinh viên được thông báo về:
 - a) Chương trình, kế hoạch đào tạo của từng ngành học;
 - b) Điều kiện đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn khóa học;
 - c) Quy chế đào tạo hiện hành.
3. Lịch học chi tiết được các khoa thông báo rộng rãi cho giảng viên và sinh viên ít nhất 2 tuần trước mỗi học kỳ.

Điều 14. Tổ chức lớp khóa học và lớp học phần

1. Lớp khóa học là lớp gồm các sinh viên học cùng một ngành, trong cùng một khóa. Lớp khóa học có lớp trưởng và các lớp phó (được bầu hoặc chỉ định);
2. Lớp học phần được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Giảng viên dạy học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp.
3. Lớp học phần sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn 10. Khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác để hoàn thành số lượng tín chỉ bắt buộc cho học kỳ. Trong các trường hợp khác, Hiệu trưởng xem xét quyết định.
4. Đại diện sinh viên của lớp là lớp trưởng và/hoặc lớp phó.
5. Tùy theo từng học phần, từng năm học, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của trường, Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên tối đa cho mỗi lớp học.

Điều 15. Đăng ký học phần

1. Số tín chỉ tích lũy cần hoàn thành của mỗi sinh viên trong toàn khóa là 180 tín chỉ, trung bình mỗi học kỳ sinh viên cần hoàn thành 30 tín chỉ. Tuy nhiên, sinh viên có thể đăng ký học và hoàn thành trong một học kỳ tối thiểu là 24 tín chỉ không bao gồm các tín chỉ do học lại học kỳ hoặc học lại học phần.
2. Đăng ký học phần tự chọn:
 - a) Sinh viên được chọn một hoặc nhiều học phần trong danh sách các học phần tự chọn liên quan đến ngành học của mình (nếu có trong học kỳ);
 - b) Chỉ chấp nhận đối với những sinh viên nộp đăng ký lựa chọn học phần đúng thời hạn;
 - c) Học phần tự chọn sẽ không được mở lớp nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu quy định tại Điều 14 Khoản 3.
 - d) Sinh viên được đăng ký một hoặc nhiều học phần không liên quan đến ngành học của mình đã đăng ký. Điểm kết thúc học phần sẽ được ghi vào trong Bảng điểm (trong phần các môn phụ trợ) nhưng không được tính vào đánh giá cuối cùng. Sinh viên phải tự đảm bảo thời gian để tham gia học và phải nộp học phí tương ứng với số tín chỉ đăng ký học.
3. Khóa luận tốt nghiệp
 - a) Mỗi sinh viên phải tham gia thực tập từ 03 đến 06 tháng vào năm B3. Nội dung thực tập liên quan trực tiếp đến khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.
 - b) Hàng năm, Trường Khoa chuyên môn cung cấp danh sách các giảng viên cùng đề tài thực tập tốt nghiệp để sinh viên lựa chọn. Danh sách này bao gồm các thực tập ở doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm tại Việt Nam và nước ngoài;
 - c) Để tốt nghiệp, sinh viên phải viết báo cáo thực tập và/dưới hình thức khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh và được đánh giá bởi Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp;
 - d) Danh sách Hội đồng chấm khóa luận do các Trường Khoa chuyên môn đề xuất, Trường Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định;
 - e) Trường Khoa chuyên môn có quyền không cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trong trường hợp chất lượng báo cáo không đảm bảo dựa trên ý kiến của Phản biện và Giáo viên hướng dẫn.

Điều 16. Rút bớt, thay thế học phần đã đăng ký

1. Sinh viên được phép rút bớt, thay thế một hoặc nhiều học phần đã đăng ký nếu:
 - a) Sinh viên nộp đơn xin rút ít nhất 2 tuần trước khi học phần bắt đầu;

- b) Có học phần thay thế (không phải là học phần bắt buộc) tại thời điểm đó. Học phần thay thế sẽ do Trưởng khoa chuyên môn quyết định.
2. Sinh viên không được rút lại hay thay thế học phần đã đăng ký sau khi lớp học phần đã bắt đầu.
3. Trưởng Phòng quản lý đào tạo phê duyệt đơn xin rút của sinh viên sau khi tham khảo ý kiến của Trưởng Khoa chuyên môn.

Điều 17. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Trường hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong đề án USTH20 và tổ chức xét trao giải thưởng hàng năm cho các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc.
2. Các Khoa chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn câu lạc bộ khoa học sinh viên, tổ chức các seminar chuyên đề khoa học cho sinh viên; Tạo điều kiện để sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học gắn với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học khác; Phát triển kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cho mỗi ngành.
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức dưới các hình thức sau:
 - a) Chủ trì và tham gia các hoạt động nghiên cứu trong trường, có đóng góp các báo cáo khoa học tại các hội nghị/hội thảo khoa học và công bố bài viết khoa học trên các ấn phẩm ngành;
 - b) Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học và thực hiện khóa luận tốt nghiệp;
 - c) Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, seminar chuyên đề khoa học.

CHƯƠNG V - QUYỀN LỢI/TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN, CỐ VẤN HỌC TẬP VÀ GIẢNG VIÊN

Điều 18. Nghĩa vụ của sinh viên

1. Sinh viên đi học phải tuân thủ thời khoá biểu: đi học đầy đủ, đúng giờ. Việc điểm danh sinh viên được thực hiện bởi: máy quét vân tay hoặc Giảng viên điểm danh trực tiếp trong buổi học.
2. Không sử dụng điện thoại di động trong giờ học, phòng thi.
3. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu của giảng viên trong suốt quá trình học.
4. Trong trường hợp ốm đau hay tai nạn, sinh viên phải nộp xác nhận hợp pháp của bệnh viện cho Trợ lý đào tạo trong vòng ba ngày kể từ ngày thi hoặc hạn chót nộp bài tập.
5. Tất cả các hình thức thiếu trung thực trong học tập bao gồm gian lận, sao chép và dung túng cho các hành vi thiếu trung thực đều bị nghiêm cấm và xử lý.
6. Sinh viên đi thực tập phải tuân thủ đầy đủ các quy định của đơn vị tiếp nhận thực tập và các quy định liên quan của Trường.

Điều 19. Quyền lợi của sinh viên

1. Được cung cấp đầy đủ chương trình, kế hoạch đào tạo của khóa học, năm học, học kỳ và học phần.
2. Được tạo điều kiện trong học tập, xét cấp học bổng dựa trên kết quả học tập, tham gia hoạt động nghiên cứu, công bố các công trình khoa học và công nghệ.
3. Được chia sẻ quan điểm trực tiếp tới phòng Công tác sinh viên, bộ phận đánh giá và đảm bảo chất lượng của Trường về chương trình đào tạo; về phương pháp, nội dung giảng dạy của giảng viên trong các học phần cụ thể.
4. Được cấp bằng điểm học tập 01 lần/ 01 học kỳ.
5. Được bảo lưu kết quả học và nghỉ học tạm thời trong các trường hợp quy định tại Điều 35.
6. Với các hỗ trợ khác liên quan đến đào tạo, sinh viên cần đề nghị bằng văn bản gửi đến Phòng Quản lý đào tạo.
7. Được phép thôi học vì lý do cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải hoàn thành thủ tục xin thôi học của Trường tại Điều 34.

Điều 20. Cố vấn học tập

Cố vấn học tập là vị trí được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ quản lý lớp khóa học của ngành học trên cơ sở đề nghị của Trưởng Khoa chuyên môn.

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Cố vấn học tập:
 - a) Tư vấn sinh viên lựa chọn đăng ký ngành hoặc các môn tự chọn phù hợp với nhu cầu và điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo;
 - b) Tư vấn phương pháp học tập, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm giúp sinh viên đạt yêu cầu chuẩn đầu ra;
 - c) Giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập. Nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút;
 - d) Báo cáo Trưởng Khoa chuyên môn những vấn đề liên quan đến chương trình và chất lượng đào tạo của ngành được giao phụ trách vào các thời điểm cuối học kỳ, cuối năm học, hoặc khi được yêu cầu.
2. Quyền lợi của Cố vấn học tập:
 - a) Được giảm số giờ dạy định mức nêu trong Quy định chế độ làm việc dành cho Giảng viên của trường, hưởng phụ cấp theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của trường;
 - b) Được bố trí thời gian tham gia các khoá học tập huấn nghiệp vụ liên quan.

Điều 21. Giảng viên

1. Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương học phần và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt.
2. Tiếp thu các đánh giá và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng; Phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp.
3. Quản lý sinh viên trong lớp học phần và phòng thí nghiệm được phân công giảng dạy, bao gồm:
 - a) Chỉ định lớp trưởng, các lớp phó (nếu cần) lớp học phần được phân công giảng dạy;
 - b) Theo dõi và kiểm tra đánh giá sinh viên nghe giảng, thảo luận trên lớp, thực tập, thí nghiệm, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu theo đề cương đã công bố.

CHƯƠNG VI - THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 22. Đánh giá kết quả học phần

1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập bằng điểm tổng hợp đánh giá các học phần (gọi tắt là điểm học phần). Điểm học phần được quy định như sau:
 - a) Đối với các học phần chuyên môn, điểm học phần bao gồm:
 - Điểm quá trình: chiếm trọng số không quá 50% và không dưới 20% của điểm học phần, được đánh giá căn cứ vào các điểm thành phần: Điểm thảo luận; Điểm thực hành; Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra thường kỳ, định kỳ, giữa học phần; Điểm tiểu luận và thuyết trình..., do Giảng viên quy định và công bố trước cho sinh viên được biết qua Đề cương chi tiết học phần hay Kế hoạch dạy học.
 - Điểm thi kết thúc học phần: chiếm trọng số không quá 80% và không dưới 50 % của điểm học phần.
 - b) Đối với học phần khóa luận tốt nghiệp, dự án nhóm: sinh viên thực hiện báo cáo khóa luận tốt nghiệp, dự án nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên; thuyết trình trước Hội đồng đánh giá do Ban giám hiệu phê duyệt.
2. Kiểm tra đánh giá định kỳ, giữa kỳ là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu học phần ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.
3. Phần thực hành của học phần được đánh giá như sau:
 - a) Thực hành của học phần bao gồm các hoạt động trong phòng thí nghiệm hoặc đi thực tế bên ngoài;
 - b) Trọng số điểm thực hành trong học phần do Giảng viên quy định và phải được Trường Khoa chuyên môn phê duyệt.
4. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá học phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần do giảng viên quy định trong đề cương học phần đã được Trường Khoa chuyên môn phê duyệt.
5. Bài thi kết thúc học phần có thể thực hiện bằng các hình thức thi viết (trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận), vấn đáp, làm bài tập nhóm hoặc kết hợp các hình thức trên.
6. Đề kiểm tra, đề tài tiểu luận, nội dung bài tập lớn và đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong đề cương chi tiết học phần. Đáp án và thang điểm chấm điểm thành phần, chấm bài thi kết thúc học phần phải được gửi đến Phòng Quản lý đào tạo cùng với đề thi.

Điều 23. Cách tính điểm quá trình, điểm học phần, điểm trung bình chung

1. Điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 20 (từ 0 đến 20), có lẻ đến 01 chữ số thập phân.
2. Đối với học phần tiếng Pháp, sinh viên được phép miễn học và miễn thi nếu cung cấp được văn bằng tiếng Pháp DELF A2 trở lên (hoặc tối thiểu TCF 200 còn giá trị tính đến thời điểm bắt đầu môn học) trước khi kết thúc học phần. Sinh viên được tính điểm tối đa và được Hội đồng xem xét trả lại học phí đăng ký tín chỉ học phần tiếng Pháp.
3. Sinh viên không dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành sẽ bị tính điểm 0 vào điểm thành phần nhưng vẫn được phép tham gia kỳ thi cuối kỳ.
4. Điểm học phần là trung bình cộng các điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo trọng số được quy định trong Đề cương chi tiết học phần và được làm tròn với 1 chữ số thập phân. Điểm học phần được quy đổi từ thang điểm 20 sang các thang điểm 4 và thang điểm chữ theo bảng sau:

Đánh giá	Thang điểm 20	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	18,0 - 20,0	A +	4,00
	16,0 - 17,9	A	3,70
	14,0 - 15,9	B+	3,50
	13,0 - 13,9	B	3,00
	12,0 - 12,9	C+	2,50
	11,0 - 11,9	C	2,00
	10,0 - 10,9	D	1,50
Không đạt	0,0 - 9,9	F	0,00

5. Thang điểm 20 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xét học vụ, xét tốt nghiệp, đánh giá học tập và xếp loại kết quả học tập của sinh viên. Một học phần được xem là *đạt (được tích lũy)* nếu điểm đánh giá học phần từ 10,0 trở lên. Sinh viên có điểm đánh giá học phần dưới 10,0 được xem là *không đạt*.
6. Cách tính điểm trung bình chung
Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i * n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, mỗi năm hoặc trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n là tổng số tín chỉ.

Điều 24. Tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần

1. Việc kiểm tra và chấm điểm quá trình của mỗi học phần do giảng viên trực tiếp giảng dạy - học phần đó thực hiện. Điểm thành phần của học phần được thông báo cho sinh viên chậm nhất 2 tuần trước khi thi và điểm thi kết thúc học phần được thông báo chậm nhất 2 tuần sau khi thi.
2. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính. Sinh viên bỏ thi không có lý do chính đáng tại kỳ thi chính của một học phần sẽ nhận điểm 0 (điểm thi lần 1) tại kỳ thi chính của học phần đó và phải thi lại để lấy điểm thi lần 2 hoặc đăng ký học lại. Trường hợp sinh viên vắng thi có lý do chính đáng (được Trường Khoa chuyên môn xác nhận) sẽ được xem xét tham gia kỳ thi lại của học phần đó và điểm thi được tính là điểm thi lần 1. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo ít nhất 2 tuần trước ngày thi. Trong kỳ thi chính, từng học phần được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số học phần trong cùng một buổi thi của một sinh viên.
3. Trong vòng 4 tuần từ thời điểm kỳ thi chính diễn ra, kỳ thi lại sẽ được tổ chức. Các quy định và tổ chức thi lại được thực hiện như kỳ thi chính.
4. Tùy theo tình hình thực tế, Trường tổ chức một kỳ thi phụ để sinh viên có thể cải thiện điểm hoặc thi bù. Trong trường hợp thi cải thiện điểm, sinh viên được lấy điểm cao hơn.
5. Tổ chức thi:
 - a) Sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên gửi danh sách sinh viên được dự thi/không được dự thi kết thúc học phần về Khoa chuyên môn. Căn cứ đề nghị của Giảng viên, Trường Khoa chuyên môn quyết định danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi. Danh sách trên sẽ gửi về Phòng Quản lý đào tạo để tổ chức thi theo kế hoạch chung.
 - b) Đối với hình thức thi tự luận, trắc nghiệm:

- Đối với phòng thi dưới 20 sinh viên bố trí 1 cán bộ coi thi, trên 20 sinh viên bố trí ít nhất 2 cán bộ coi thi;
- Cán bộ coi thi phải công bằng, nghiêm túc, không mang điện thoại và không làm việc riêng trong lúc đang coi thi;
- Khi nhận bài thi, cán bộ coi thi phải đếm đủ số tờ giấy thi của sinh viên đã ghi;
 - Yêu cầu sinh viên ghi đúng số tờ giấy thi và ký tên vào bản danh sách thi, tuyệt đối không để sinh viên ký trước khi nộp bài;
 - Cán bộ coi thi tuyệt đối không được để nhầm lẫn, mất bài thi, không để sinh viên trao đổi bài thi, viết thêm vào bài thi hoặc nộp thêm bài thi;
 - Ghi lại tên và mã số sinh viên của các sinh viên vi phạm kỷ luật thi trong biên bản xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế và báo cáo với Trường Phòng Quản lý Đào tạo sau khi biên bản được lập.

c) Đối với hình thức thi vấn đáp:

- Mỗi học phần thi phải có một bộ đề thi gồm 3 đề thi tương đương về nội dung kiến thức;
- Mỗi phòng thi, ngoài giảng viên hỏi thi, phải có ít nhất 1 cán bộ coi thi có nhiệm vụ gọi sinh viên vào thi, kiểm tra thẻ sinh viên và cho sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên đề thi.

6. Đề thi, đáp án và tất cả các bài thi kết thúc học phần sau khi chấm xong phải được bảo quản và lưu trữ tại phòng Quản lý đào tạo theo quy định hiện hành. Khi hết hạn lưu trữ, Trường Phòng Quản lý đào tạo thành lập Hội đồng xét hủy. Danh sách thi kết thúc học phần và bảng tổng hợp điểm của học phần (kèm theo file điện tử) là tài liệu lưu trữ vĩnh viễn.

Điều 25. Chấm khóa luận tốt nghiệp

1. Trường Khoa chuyên môn đề nghị danh sách Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp gồm ít nhất 3 thành viên và gửi Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt ít nhất một tuần trước buổi bảo vệ.
2. Khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 20, được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.
3. Điểm khóa luận tốt nghiệp được thông báo công khai một tuần sau khi các Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp hoàn thành nhiệm vụ.

4. Điểm khoá luận tốt nghiệp tương đương với 9-15 tín chỉ và được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học. Trong trường hợp không bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được phép đăng ký báo cáo lại (lần 2) và phải đóng bổ sung học phí tương ứng với số tín chỉ của khóa luận theo hai trường hợp sau:
 - a) Đối với trường hợp thực tập 3 tháng, sinh viên được quyền đăng ký bảo vệ lại tại Hội đồng tốt nghiệp đợt 2 trong năm đó;
 - b) Đối với trường hợp làm thực tập 6 tháng, sinh viên sẽ phải bảo vệ lại tại Hội đồng tốt nghiệp trong năm học sau.

Điều 26. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ hoặc sau mỗi năm học chính theo các tiêu chí sau:

1. Lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đăng ký trong học kỳ.
2. Lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã hoàn thành và được đánh giá loại Đạt tính từ đầu khóa học.
3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các môn được đánh giá loại Đạt và Không đạt), được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
5. Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.
6. Điểm trung bình chung mỗi năm học được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, học bổng, khen thưởng sau mỗi năm học.
7. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

CHƯƠNG VII - XỬ LÝ HỌC VỤ VÀ KỶ LUẬT

Điều 27. Hình thức kỷ luật đối với sinh viên

Tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, một trong các hình thức kỷ luật sau sẽ được áp dụng:

1. **Nhắc nhở:** áp dụng đối với hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ. Giảng viên học phần, Cố vấn học tập hoặc các cán bộ chuyên trách của Trường trực tiếp nhắc nhở sinh viên vi phạm.
2. **Khiển trách:** áp dụng đối với trường hợp đã bị nhắc nhở mà tái phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng có gây hậu quả. Trường Khoa chuyên môn ra quyết định và thông báo khiển trách.
3. **Cảnh cáo:** áp dụng đối với trường hợp đã bị khiển trách mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng. Hiệu trưởng ra quyết định.
4. **Đình chỉ học tập 1 năm học:** áp dụng đối với những trường hợp đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi mà sinh viên không được làm. Hiệu trưởng ra quyết định.
5. **Buộc thôi học:** áp dụng đối với các trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc những vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội. Hiệu trưởng ra quyết định.
6. **Xóa tên khỏi danh sách sinh viên** nếu không có lý do chính đáng bằng văn bản đối với các trường hợp sau: sinh viên không đóng học phí 1 kỳ, nghỉ học không phép từ một học kỳ trở lên, nghỉ bảo lưu quá 1 năm không gia hạn và quá 2 năm không quay lại học.
7. Đối với sinh viên không đóng học phí đúng hạn theo Quy định, phòng Công tác sinh viên thông báo và nhắc nhở. Nếu tiếp tục vi phạm, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo. Trong trường hợp đặc biệt có đơn trình bày hoàn cảnh, sinh viên được Trường cho phép gia hạn thời gian đóng học phí. Hết thời gian gia hạn không đóng hoặc đóng không đầy đủ học phí, tùy vào mức độ vi phạm, bị xử lý từ khiển trách đến xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

Điều 28. Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật được thành lập bởi Hiệu trưởng trong trường hợp cần phải xem xét xử lý các vi phạm từ mức độ cảnh cáo, đình chỉ học tập và buộc thôi học.
2. Thành phần của Hội đồng kỷ luật:
 - a) Hiệu trưởng;
 - b) Trưởng Khoa chuyên môn;

- c) Trưởng Phòng Quản lý đào tạo;
 - d) Trưởng Phòng Công tác sinh viên;
 - e) Cố vấn học tập hoặc một Giảng viên của ngành liên quan;
 - f) Một đại diện Hội sinh viên;
 - g) Bí thư Đoàn thanh niên.
3. Hội đồng kỷ luật làm việc theo trình tự như sau:
- a) Hội đồng xem xét nguyên nhân vi phạm, trực tiếp triệu tập người được cho là vi phạm trong các trường hợp cần thiết và các nhân chứng (nếu có);
 - b) Nếu lỗi vi phạm đã có hình thức kỷ luật rõ ràng được nêu trong quy chế này, Hội đồng ra quyết định áp dụng hình thức kỷ luật đã ban hành. Nếu không, quyết định được đưa ra dựa trên ý kiến của đa số.

Điều 29. Vi phạm quy định về học tập và khung xử lý kỷ luật

1. Đến muộn giờ học, giờ thực tập thường xuyên, có hệ thống: giảng viên nhắc nhở và được quyền không cho sinh viên vào lớp nếu sinh viên đến muộn quá 5 phút và không cho thi cuối kỳ nếu sinh viên vắng mặt quá 30% số buổi học. Với những trường hợp không được thi cuối kỳ, sinh viên phải học lại học phần đó.
2. Mất trật tự, sử dụng điện thoại, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học: Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến mời ra khỏi lớp.
3. Không tuân theo chỉ dẫn của Giảng viên trong lớp học, có thái độ chống đối gây ảnh hưởng đến môi trường học tập hoặc an ninh an toàn phòng thí nghiệm: Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.
4. Nghỉ học không phép hoặc quá phép: Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến xóa tên khỏi danh sách sinh viên.
5. Học hộ hoặc nhờ người khác học hộ: Tùy theo mức độ, xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học.

Điều 30. Vi phạm quy chế thi, kiểm tra và khung xử lý kỷ luật

1. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
2. Nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận học phần, khoá luận tốt nghiệp: Tùy theo mức độ, xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Ở mức độ cảnh cáo, sinh viên sẽ phải làm lại và trình bày/bảo vệ lại tiểu luận học phần/ khoá luận tốt nghiệp. Điểm học phần hoặc điểm khoá luận

- sẽ bị trừ tương ứng với mức độ vi phạm, do Hội đồng kỷ luật quyết định.
3. Tổ chức học, thi, kiểm tra học; tổ chức làm học phần, khóa luận tốt nghiệp: Xử lý buộc thôi học; nếu vi phạm nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
 4. Vi phạm trong phòng thi:
 - a) Đối với sinh viên lần đầu phạm lỗi thảo luận bài với sinh viên khác, cán bộ coi thi nhắc nhở lần một;
 - b) Đối với sinh viên vi phạm một trong những lỗi sau:
 - Đã bị nhắc nhở nhưng tiếp tục thảo luận bài với sinh viên khác trong giờ thi;
 - Trao đổi bài thi, giấy nháp với sinh viên khác;
 - Chép bài của sinh viên khác;
 - Nhận sự giúp đỡ thiếu trung thực từ các cá nhân khác (sinh viên, cán bộ trường) trong giờ thi;
 - Có sự giúp đỡ thiếu trung thực cho sinh viên khác trong giờ thi.Ở mức này, cán bộ coi thi lập biên bản, làm cơ sở để Phòng Quản lý đào tạo xử lý ở mức độ khiển trách. Sinh viên bị trừ 30% tổng điểm bài thi.
 - c) Đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:
 - Đã bị lập biên bản ở Điều 30 Khoản 4 Điểm b nhưng tiếp tục vi phạm các quy định khác trong phòng thi;
 - Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng cấm vào khu vực thi;
 - Cung cấp trái phép đề thi ra ngoài và cho các sinh viên khác;
 - Có thái độ chống đối, không hợp tác làm ảnh hưởng đến phòng thi.Đối với vi phạm này, cán bộ coi thi lập biên bản; sinh viên bị đình chỉ thi và lập tức rời khỏi phòng thi; đồng thời nhận điểm không (0) cho bài thi môn đó và buộc phải học lại học phần đó. Hội đồng Kỷ luật xử lý ở mức độ từ cảnh cáo đến buộc thôi học.

Điều 31. Khung xử lý kỷ luật đối với cán bộ trong các công tác đào tạo

Người tham gia công tác tuyển sinh, coi thi, tổ chức thi và chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi đã kết thúc), và các Giảng viên vi phạm quy định giảng dạy, tùy theo mức độ, sẽ bị áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của Trường.

Điều 32. Xét lên lớp và Chuyển lớp

1. Sinh viên chương trình đào tạo 3 năm có số tín chỉ tích lũy đạt tối thiểu 40 tín chỉ trong một năm sẽ được đăng ký cho năm học tiếp theo.

2. Sinh viên tự thấy không đủ năng lực tiếng Anh để học chuyên môn có thể xin nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả (nếu có) kể cả các điểm thành phần của học phần để theo học các học phần tiếng Anh trong chương trình của Trường. Trong trường hợp này, sinh viên chỉ phải đóng học phí tương ứng với số tín chỉ học lại.
3. Sinh viên tự thấy không đáp ứng được yêu cầu học tập ở mức hiện tại có thể chuyển xuống học ở mức thấp hơn.
4. Nếu sinh viên đạt điều kiện Tiếng Anh đầu vào của chương trình học chuyên môn có thể chọn học các môn học phù hợp để đăng ký học ở năm trên.
5. Sinh viên có thể học vượt các học phần để rút ngắn thời gian học tiếng Anh khi đạt các yêu cầu đầu vào của mức trên kế tiếp.
6. Tất cả những thay đổi về học theo trình độ tiếng Anh chỉ thực hiện sau khi học kỳ mới bắt đầu không quá 4 tuần.

Điều 33. Học lại và Thi lại

1. Thi lại:

- a) Sinh viên bắt buộc thi lại nếu điểm học phần dưới 10,0. Trong lần thi lại, điểm thành phần sẽ không được tính vào điểm trung bình môn;
- b) Sinh viên thi lại được chấp nhận qua môn khi điểm thi lại đạt tối thiểu 10,0 điểm. Điểm thi lại được tính là điểm cuối cùng.
- c) Kỳ thi lại cho mỗi học phần sẽ chỉ được tổ chức duy nhất một lần trong một năm học. Đối với một học phần, sinh viên được phép đăng ký thi lại trong vòng 3 năm sau kỳ thi chính thức đầu tiên. Quá thời gian trên, sinh viên phải đăng ký học lại học phần hoặc đăng ký học phần mới để đạt được số tín chỉ cần thiết.
- d) Sinh viên vắng mặt tại buổi thi kết thúc học phần có đơn trình bày lý do chính đáng (được Trường Khoa chuyên môn chấp nhận) có thể được xem xét thi lại và điểm được tính là điểm thi lần 1. Những trường hợp khác, xem Điều 24 khoản 2.
- e) Sinh viên được quyền xin phúc tra điểm thi nếu trình đơn lên Khoa chuyên môn. Sinh viên phải đóng phí phúc tra là 50.000 VND cho mỗi lần phúc tra.
- f) Sinh viên thi lại, thi bù đóng phí theo mục trả nợ tín chỉ trong văn bản quy định về phí và học phí. Sinh viên được gửi đi thực tập theo kinh phí của Trường, nếu như không hoàn thành khoá luận đúng hạn sẽ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí được cấp.

2. Học lại học phần:

- a) Sinh viên bắt buộc học lại trong các trường hợp sau: Không tham gia đủ 70% thời lượng môn học phần; Sinh viên đã thi trượt cả ở kỳ thi cuối kỳ và kỳ thi lại trong thời hạn 3 năm học chính thức của chương trình Đại học;
- b) Ngoài các đối tượng áp dụng tại Điều 33 Khoản 2 Điểm a sinh viên có quyền đăng ký học lại.
- c) Sinh viên học lại có thể không cần dự học đầy đủ các giờ học của học phần chưa đạt nhưng phải dự kiểm tra và thi lấy các điểm thành phần như học lần đầu (không dùng các điểm thành phần cũ).

Điều 34. Thôi học và buộc thôi học

- 1. Tự nguyện thôi học: sinh viên có thể thôi học nếu nộp đơn xin thôi học và được Hiệu trưởng phê duyệt.
- 2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:
 - a) Sinh viên không tích lũy đủ 180 tín chỉ sau 6 năm học;
 - b) Sinh viên vi phạm kỷ luật bị Hội đồng kỷ luật ra quyết định buộc thôi học;
 Chậm nhất 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Công tác Sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.
 Trong cả 2 trường hợp, học phí học kỳ đã nộp của sinh viên sẽ không được hoàn trả lại.

Điều 35. Bảo lưu và nghỉ học tạm thời

- 1. Sinh viên được bảo lưu kết quả học và nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau:
 - a) Tham gia nghĩa vụ quân sự - quốc phòng;
 - b) Vì lý do sức khỏe như ốm nặng hay tai nạn buộc phải điều trị lâu dài. Trường hợp này sinh viên phải cung cấp các chứng nhận hợp pháp của cơ sở y tế nơi sinh viên đó điều trị;
 - c) Đăng ký học lại tiếng Anh trong chương trình của Trường;
 - d) Vì lý do khác: trong trường hợp này, sinh viên phải hoàn thành ít nhất một kỳ học ở trường và điểm trung bình chung của kỳ học không dưới 10,00 điểm.
- 2. Để bảo lưu kết quả học, sinh viên phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Trường, đồng thời làm đơn tới Trường Khoa chuyên môn, phòng Công tác sinh viên và được sự đồng ý của Ban giám hiệu. Thời gian cho phép bảo lưu phải phù hợp với kết quả học tập của sinh viên và chương trình học của Trường.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời nếu muốn học tiếp phải gửi đơn đề nghị tới phòng Công tác sinh viên, được Trường Khoa chuyên môn và Ban giám hiệu chấp thuận, và chậm nhất 2 tuần trước khi kỳ học mới bắt đầu.
4. Thời gian bảo lưu kết quả học tập mỗi lần tối đa là 1 năm và không quá 2 lần liên tiếp. Sau khi kết thúc thời gian bảo lưu, sinh viên phải liên hệ Trường để xin gia hạn trong trường hợp muốn kéo dài thời gian bảo lưu. Thời gian bảo lưu sẽ được tính chung vào thời gian sinh viên được phép học tại Trường (tối đa là 6 năm).

Điều 36. Thủ tục chuyển trường

1. Sinh viên được chuyển đến một cơ sở đào tạo khác nếu được sự đồng ý của Hiệu trưởng.
2. Sinh viên được phép chuyển đến học tại Trường nếu đáp ứng các yêu cầu quy định tại Chương III Tuyển sinh và được Khoa chuyên môn của sinh viên đồng ý.
3. Ban giám hiệu xem xét các trường hợp đặc biệt.

CHƯƠNG VIII - ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 37. Hội đồng xét tốt nghiệp

1. Hội đồng xét tốt nghiệp Trường gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu Trưởng, các Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác sinh viên, phòng Tài chính – Kế toán, các Trưởng Khoa chuyên môn, Khoa Đào tạo đại cương, Trung tâm ngoại ngữ và các đơn vị liên quan đến đào tạo.
2. Khoa chuyên môn gửi danh sách sinh viên được xét tốt nghiệp về Phòng Quản lý đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp kết quả xét tốt nghiệp, phối hợp với Phòng Công tác sinh viên để rà soát, kiểm tra các điều kiện tốt nghiệp của từng sinh viên và lập danh sách sinh viên đủ tiêu chuẩn trình Hội đồng xét tốt nghiệp Trường. Hội đồng xét tốt nghiệp xét danh sách tốt nghiệp theo từng ngành và Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp.

Điều 38. Điều kiện tốt nghiệp

Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải:

1. Hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc trong các ngành tương ứng; Tích lũy đúng và đủ 180 tín chỉ theo quy định; Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 10,00 điểm trở lên.
2. Hoàn thành các môn điều kiện (triết học, tập huấn quân sự - quốc phòng).
3. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Trường.
4. Hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bắt buộc với Trường.
5. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Điều 39. Phân loại tốt nghiệp và Bằng tốt nghiệp

1. Phân loại tốt nghiệp của trình độ đại học căn cứ theo tiêu chí sau:

Phân loại	Thang điểm 4	Thang điểm 20
Xuất sắc	3,60 – 4,00	17,00 – 20,00
Giỏi	3,20 – 3,59	15,00 – 16,99
Khá	2,50 – 3,19	13,00 – 14,99
Trung bình khá	2,00 – 2,49	12,00 – 12,99
Trung bình	1,50 – 1,99	10,00 – 11,99

2. Bằng Tốt nghiệp trình độ Đại học do Hiệu trưởng ký căn cứ theo quyết định số 5571/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bằng đại học của Trường.
3. Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần duy nhất.

CHƯƠNG IX - KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG KHAI

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 40. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Trường có trách nhiệm công khai rộng rãi các cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.
2. Nội dung công khai
 - a) Cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo:
 - Điều kiện và mục tiêu dự tuyển, chương trình đào tạo, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, cơ cấu ngành học, chuẩn đầu ra ngành học;
 - Các thông tin về văn bản hướng dẫn: giảng dạy, kỷ luật, bản thống kê về nghề nghiệp của sinh viên đã tốt nghiệp;
 - Các học phần trong chương trình học: công khai về số lượng học phần của từng ngành, nội dung học phần, mục tiêu học phần, tài liệu học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên;
 - Thông tin liên quan tới đề cương học phần được thiết kế bởi Trường: tiêu đề, số tín chỉ, nội dung, tài liệu tham khảo, ngày xuất bản.
 - Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ;
 - Hội thảo và hội nghị chuyên đề do Trường tổ chức;
 - Kế hoạch đánh giá chương trình học, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá trong, đánh giá ngoài và kiểm định của các tổ chức.
 - b) Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo
 - Cơ sở vật chất: diện tích đất đai, số lượng và diện tích giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, thực hành, ký túc xá, diện tích nhà ăn, trang thiết bị giáo dục và các trang thiết bị khác;
 - Giảng viên, nhân viên quản lý, nhân viên:
 - Số lượng, chức danh theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo;
 - Sơ yếu lý lịch của giảng viên: họ và tên, thâm niên giảng dạy, chức danh đào tạo, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, kinh nghiệm giảng dạy và số lượng các đề tài đã và đang thực hiện, các bài báo, ấn phẩm khoa học công bố trên các tạp chí chuyên ngành;

- Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học.
2. Thông tin để tuyên bố công khai phải chính xác, kịp thời, đúng hạn và dễ dàng tiếp cận.

Điều 41. Đánh giá hoạt động dạy và học

1. Nhiệm vụ đánh giá học phần chính là chìa khóa trong công tác đảm bảo chất lượng của Trường. Chiến lược đánh giá học phần kết hợp chặt chẽ với các đối tượng đánh giá (phương pháp/cách tiếp cận/ hoạt động) nhằm đảm bảo các mục tiêu học tập được hướng đến một cách đầy đủ và phù hợp với những hình thái học tập khác nhau.
2. Việc thu nhận ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần và giảng viên học phần được thực hiện khi kết thúc học phần để nâng cao chất lượng và phương pháp giảng dạy qua “Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần”.
3. Kết quả thu thập ý kiến phản hồi là thông tin được bảo mật. Việc phân tích kết quả đánh giá là một vấn đề thiết yếu trong việc nâng cao chất lượng học phần và chương trình đào tạo.
4. Mẫu đánh giá liên quan đến hoạt động dạy và học được thiết kế, nhằm chắc chắn rằng kết quả đánh giá chất lượng phải công bằng, linh hoạt, phù hợp, có căn cứ, đáng tin cậy và đầy đủ.
5. Sinh viên được yêu cầu làm phản hồi cần đảm bảo tính chính xác, trung thực và công bằng. Phòng Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm thống kê, phân tích và trình kết quả đánh giá lên Hiệu trưởng. Hiệu trưởng cân nhắc và truyền đạt thông tin theo quy định và sẽ trao đổi với từng giảng viên để có những điều chỉnh phù hợp hơn cho hoạt động giảng dạy dựa trên những phản hồi chính xác của sinh viên.



CHƯƠNG X - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có giá trị hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 43. Sửa đổi quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc, một số quy định có thể được rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.